

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN MBG**



## **MỤC LỤC**

|  | <b>Trang</b>  |
|--|---------------|
| <b>1. Mục lục</b>  | <b>1</b>      |
| <b>2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023</b>   | <b>2 - 5</b>  |
| <b>3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b> | <b>6 - 7</b>  |
| <b>4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>           | <b>8 - 9</b>  |
| <b>5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>    | <b>10- 45</b> |

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2023<br>VND        | 01/01/2023<br>VND        |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>1.004.402.995.807</b> | <b>1.114.935.843.432</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>78.433.476.006</b>    | <b>72.058.306.886</b>    |
| 1. Tiền   | 111        |             | 78.433.476.006           | 72.058.306.886           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>1.100.000.000</b>     | <b>106.100.000.000</b>   |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                        | -                        |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                        | -                        |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 1.100.000.000            | 106.100.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>569.866.860.856</b>   | <b>605.077.630.537</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 288.525.010.821          | 397.913.147.216          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 146.212.614.282          | 192.484.861.635          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | 5.100.000.000            | 2.970.000.000            |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5         | 130.090.519.253          | 13.689.403.258           |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | (61.283.500)             | (1.979.781.572)          |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                        | -                        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>348.768.207.040</b>   | <b>330.536.190.673</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.6         | 348.768.207.040          | 330.536.190.673          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                        | -                        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>6.234.451.905</b>     | <b>1.163.715.336</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.7a        | 77.965.050               | 4.499.884                |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 6.156.486.855            | 1.159.215.452            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                        | -                        |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                        | -                        |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                        | -                        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2023               | 01/01/2023               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|   |            |             | VND                      | VND                      |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>383.717.761.818</b>   | <b>340.453.371.855</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                        | -                        |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                        | -                        |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                        | -                        |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                        | -                        |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                        | -                        |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>42.302.440.098</b>    | <b>47.727.075.330</b>    |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 42.141.593.646           | 47.539.516.878           |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 86.476.889.366           | 86.476.889.366           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (44.335.295.720)         | (38.937.372.488)         |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                        | -                        |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                        | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                        | -                        |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.9         | 160.846.452              | 187.558.452              |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 200.340.000              | 200.340.000              |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (39.493.548)             | (12.781.548)             |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> | <b>V.10</b> | <b>48.799.477.316</b>    | -                        |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | 48.806.255.963           | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | (6.778.647)              | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>8.433.483.020</b>     | <b>8.061.587.972</b>     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                        | -                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.11        | 8.433.483.020            | 8.061.587.972            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>277.639.624.191</b>   | <b>275.864.942.201</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                        | -                        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2b        | 277.639.624.191          | 275.864.942.201          |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                        | -                        |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                        | -                        |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                        | -                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>6.542.737.193</b>     | <b>8.799.766.352</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.7b        | 6.542.737.193            | 8.799.766.352            |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                        | -                        |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                        | -                        |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                        | -                        |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>1.388.120.757.625</b> | <b>1.455.389.215.287</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2023            | 01/01/2023             |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
|   |            |             | VND                   | VND                    |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>62.851.081.507</b> | <b>136.766.716.164</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>61.714.356.507</b> | <b>135.797.341.164</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        |             | -                     | 29.724.464.940         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.12        | 8.880.169.804         | 12.953.521.170         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 1.543.197.371         | 23.233.203.853         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | -                     | -                      |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        |             | -                     | 284.753.426            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | 300.000.000           | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.14a       | 13.028.736.562        | 13.019.923.791         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.15a       | 35.547.633.304        | 55.171.133.308         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                     | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.16        | 2.414.619.466         | 1.410.340.676          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>1.136.725.000</b>  | <b>969.375.000</b>     |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.14b       | 400.000.000           | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.15b       | 736.725.000           | 969.375.000            |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                     | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN DỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2023<br>VND        | 01/01/2023<br>VND        |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>1.325.269.676.118</b> | <b>1.318.622.499.123</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> | <b>V.17</b> | <b>1.325.269.676.118</b> | <b>1.318.622.499.123</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        |             | 1.202.185.400.000        | 1.202.185.400.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 1.202.185.400.000        | 1.202.185.400.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | (238.202.140)            | (238.202.140)            |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                        | -                        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        |             | 8.423.689.821            | 5.410.853.447            |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                        | -                        |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        |             | 112.990.070.769          | 109.356.752.375          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 105.339.637.211          | 7.847.623.435            |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 7.650.433.558            | 101.509.128.940          |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                        | -                        |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429        |             | 1.908.717.668            | 1.907.695.441            |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | -                        | -                        |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>1.388.120.757.625</b> | <b>1.455.389.215.287</b> |

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023



Nguyễn Thị Quyên  
Người lập



Nguyễn Thị Tuyết  
Kế toán trưởng



Phạm Huy Thành  
Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Đơn vị tính: VND)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/04/2023   |                 | Từ 01/04/2022   |                 | Từ 01/01/2023 |                | Từ 01/01/2022 |                |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|  |       |             | Từ 30/06/2023   | đến 30/06/2023  | Từ 30/06/2022   | đến 30/06/2022  | Từ 01/01/2023 | đến 30/06/2023 | Từ 01/01/2022 | đến 30/06/2022 |
|  |       |             | VND             | VND             | VND             | VND             | VND           | VND            | VND           | VND            |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 175.120.093.813 | 367.652.506.264 | 274.408.891.138 | 564.069.754.458 |               |                |               |                |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -               | -               | -               | -               |               |                |               |                |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 175.120.093.813 | 367.652.506.264 | 274.408.891.138 | 564.069.754.458 |               |                |               |                |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 167.486.495.669 | 333.429.322.271 | 263.013.172.232 | 503.488.300.960 |               |                |               |                |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 7.633.598.144   | 34.223.183.993  | 11.395.718.906  | 60.581.453.498  |               |                |               |                |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 331.471.169     | 402.802.608     | 1.427.176.584   | 6.859.657.619   |               |                |               |                |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 685.888.859     | 301.491.944     | 1.740.044.478   | 609.782.426     |               |                |               |                |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 685.888.859     | 301.491.944     | 1.740.044.478   | 609.782.426     |               |                |               |                |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | 62.357.463      | -               | 1.774.681.990   | -               |               |                |               |                |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.5        | 309.522.596     | 164.879.693     | 382.493.712     | 288.966.155     |               |                |               |                |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.6        | 2.732.234.848   | 1.855.322.420   | 3.288.786.829   | 3.730.412.075   |               |                |               |                |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 4.299.780.473   | 32.304.292.544  | 9.186.252.461   | 62.811.950.461  |               |                |               |                |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    |             | -               | -               | -               | -               |               |                |               |                |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    |             | -               | 105.158.482     | 59.726          | 105.158.482     |               |                |               |                |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | -               | (105.158.482)   | (59.726)        | (105.158.482)   |               |                |               |                |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 4.299.780.473   | 32.199.134.062  | 9.186.192.735   | 62.706.791.979  |               |                |               |                |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    |             | 873.696.029     | 6.485.869.937   | 1.534.736.950   | 12.612.412.949  |               |                |               |                |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | -               | -               | -               | -               |               |                |               |                |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | 3.426.084.444   | 25.713.264.125  | 7.651.455.785   | 50.094.379.030  |               |                |               |                |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | 3.425.346.506   | -               | 7.650.433.558   | -               |               |                |               |                |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Đơn vị tính: VND)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 |     | Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 |     | Đơn vị tính: VND             |
|--|-------|-------------|------------------------------|-----|------------------------------|-----|------------------------------|
|  |       |             |                              |     |                              |     |                              |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62    |             | 737,938                      | -   | 1.022.227                    | -   | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.7        | 28                           | 220 | 64                           | 437 |                              |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.7        | 28                           | 220 | 64                           | 437 |                              |

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2023



*(Handwritten signature)*

Nguyễn Thị Quyên  
Người lập

Nguyễn Thị Tuyết  
Kế toán trưởng

Phạm Huy Thành  
Chủ tịch HĐQT



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN HỢP NHẤT TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****(Theo phương pháp trực tiếp)****Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

| Chỉ tiêu   | Mã<br>chỉ<br>tiêu | Thuyết<br>minh | Từ 01/01/2023<br>đến 30/06/2023<br>VND | Từ 01/01/2022<br>đến 30/06/2022<br>VND |
|--|-------------------|----------------|--|--|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                    |                   |                |  |  |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác          | 01                |                | 407.494.565.280                        | 670.764.507.385                        |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ               | 02                |                | (341.761.109.303)                      | (874.539.044.622)                      |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                   | 03                |                | (2.236.495.931)                        | (1.242.491.469)                        |
| 4. Tiền lãi vay đã trả   | 04                |                | (1.844.797.904)                        | (609.782.426)                          |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                 | 05                | V.13           | (23.226.153.855)                       | (18.550.942.467)                       |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                             | 06                |                | 600.000.000                            | 435.527.609.437                        |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                            | 07                |                | (399.724.781)                          | (588.651.828.762)                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                 | <b>20</b>         |                | <b>38.626.283.506</b>                  | <b>(377.301.972.924)</b>               |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                       |                   |                |  |  |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác    | 21                |                | (298.349.377)                          | -                                      |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22                |                | -                                      | -                                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác              | 23                |                | (125.468.972.051)                      | (134.500.000.000)                      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác      | 24                |                | 107.970.000.000                        | -                                      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                           | 25                |                | -                                      | -                                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                       | 26                |                | -                                      | -                                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia               | 27                |                | 5.402.357.046                          | -                                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                     | <b>30</b>         |                | <b>(12.394.964.382)</b>                | <b>(134.500.000.000)</b>               |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                   |                   |                |  |  |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu       | 31                |                | -                                      | 400.000.000.000                        |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu         | 32                |                | -                                      | -                                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33                | V.15           | 35.000.000.000                         | 24.651.800.000                         |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34                | V.15           | (54.856.150.004)                       | (27.297.950.004)                       |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính                                    | 35                |                | -                                      | -                                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                           | 36                |                | -                                      | -                                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                  | <b>40</b>         |                | <b>(19.856.150.004)</b>                | <b>397.353.849.996</b>                 |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>                | <b>50</b>         |                | <b>6.375.169.120</b>                   | <b>(114.448.122.928)</b>               |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

|   |    |                |                 |
|---|----|----------------|-----------------|
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                         | 60 | 72.058.306.886 | 137.343.975.299 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | -              | -               |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)        | 70 | 78.433.476.006 | 22.895.852.371  |

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Nguyễn Thị Quyên  
Người lậpNguyễn Thị Tuyết  
Kế toán trưởngPhạm Huy Thành  
Chủ tịch HĐQT

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** **Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại.
- Sản xuất thiết bị đèn chiếu sáng, đèn trang trí, sản xuất đồ điện gia dụng.
- Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong nhà.
- Kinh doanh Bất động sản.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng. Chi tiết: Sản xuất vật phóng điện, đèn nóng sáng, đèn huỳnh quang, đèn tia cực tím, đèn dùng hồng ngoại, đèn, thiết bị phụ và bóng đèn; sản xuất đèn bàn (đồ chiếu sáng cố định).
- Xây dựng nhà các loại.
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi và các công trình đô thị nhóm B,C; Xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình dây trạm biến áp thế điện 35kw.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây dựng, ngói, đá, cát, sỏi; bán buôn kính xây dựng; bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn đồ ngũ kim; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện tử); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Cấu trúc Công ty

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

##### Thành lập công ty con

Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư MBG - Confitech với tỷ lệ góp vốn là 80% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư MBG - Confitech là đầu tư thực hiện “Dự án Khu dân cư nông thôn kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái và nuôi trồng thủy sản Đỗ Sơn, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ”.

#### 5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Đầu tư MBG - Confitech có trụ sở chính tại số nhà 2834 Khu 4B, đường Hùng Vương, Phường Văn Phú, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Kinh doanh bất động sản, các dịch vụ về bất động sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 80%.

#### 5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty                              | Địa chỉ trụ sở chính   | Hoạt động kinh doanh chính                           | Tỷ lệ phần sở hữu |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|--|--|--|-------------------|------------|------------------------|------------|
|  |  |  | 30/06/2023        | 01/01/2023 | 30/06/2023             | 01/01/2023 |
| - Công ty Cổ phần Vcado Global           | Số SH2A – SP.2A-35, đường San Hồ 2A, KĐT Vinhomes Oceanpark, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội | Kinh doanh bất động sản                              | 40,00%            | 40,00%     | 40,00%                 | 40,00%     |
| - Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên   | Thôn Bình Thắng, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên                                  | Các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng                      | 48,00%            | 48,00%     | 48,00%                 | 48,00%     |
| - Công ty Cổ phần Zone Việt              | Cụm Đồi Vàng, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình  | Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ | 40,00%            | 40,00%     | 40,00%                 | 40,00%     |
| - Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung | Lô D1.2, một phần lô D4 và một phần lô D5 KCN An Phú, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên     | Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ | 41,67%            | 41,67%     | 41,67%                 | 41,67%     |
| - Công ty Cổ phần Green Island           | Xóm mới, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, Tỉnh Hòa Bình  | Dịch vụ sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí    | 20,00%            | 20,00%     | 20,00%                 | 20,00%     |
| - Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên          | Một phần lô D4 và một phần lô D5, KCN An Phú, xã Bình kiến, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên             | Sản xuất sản phẩm từ plastic                         | 48,00%            | 48,00%     | 48,00%                 | 48,00%     |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất không so sánh được với số liệu của kỳ này do kỳ trước Công ty chưa đầu tư vào Công ty con và chưa phải hợp nhất Báo cáo tài chính. Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày theo Báo cáo tài chính quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty mẹ.

### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 45 nhân viên (số đầu năm là 29 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty và công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

### *Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

### *Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thoả thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

- Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 1-3 năm.

### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| <i>Loại tài sản</i>             | <i>Thời gian sử dụng (năm)</i> |
|---------------------------------|--------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05                             |
| Máy móc, thiết bị               | 03 - 07                        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06                             |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05                        |
| Tài sản cố định khác            | 04                             |

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm quản lý. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

### 10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng thuộc sở hữu của công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ chi phí mà công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của nhà văn phòng là 40 năm.

### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí thực hiện các dự án.

### **12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong .. tháng/năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm/kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **14. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ về cho thuê nhà văn phòng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

### **15. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

### **16. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

### **17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá (chi tiết nhóm hàng hoá sản phẩm thực bán của Công ty), xây lắp, cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế...

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận 1 lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

### **18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

### **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **20. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **21. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành là 10%;

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

### ***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## **23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | 30/06/2023            | 01/01/2023            |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                 | VND                   | VND                   |
| Tiền mặt                        | 1.688.842.431         | 905.636.472           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 76.744.633.575        | 71.152.670.414        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>78.433.476.006</b> | <b>72.058.306.886</b> |

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

|                    | 30/06/2023           |                       | 01/01/2023             |                        |
|--------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
|                    | Giá gốc<br>VND       | Giá trị ghi sổ<br>VND | Giá gốc<br>VND         | Giá trị ghi sổ<br>VND  |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 1.100.000.000        | 1.100.000.000         | 106.100.000.000        | 106.100.000.000        |
| <b>Cộng</b>        | <b>1.100.000.000</b> | <b>1.100.000.000</b>  | <b>106.100.000.000</b> | <b>106.100.000.000</b> |

##### 2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

|   | 30/06/2023             |                 |                       | 01/01/2023             |                 |                       |
|---|------------------------|-----------------|-----------------------|------------------------|-----------------|-----------------------|
|   | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
| Công ty Cổ phần Vcado Global <sup>(1)</sup>           | 48.334.376.379         | -               | (*)                   | 48.123.483.877         | -               | (*)                   |
| Công ty Cổ phần MBG Lạc sanh Phú Yên <sup>(2)</sup>   | 48.568.663.376         | -               | (*)                   | 48.215.677.813         | -               | (*)                   |
| Công ty Cổ phần Zone Việt <sup>(3)</sup>              | 40.205.886.883         | -               | (*)                   | 40.128.004.171         | -               | (*)                   |
| Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung <sup>(4)</sup> | 50.790.767.358         | -               | (*)                   | 50.288.561.423         | -               | (*)                   |
| Công ty Cổ phần Green Island <sup>(5)</sup>           | 40.161.713.973         | -               | (*)                   | 40.054.928.343         | -               | (*)                   |
| Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên <sup>(6)</sup>          | 49.578.216.222         | -               | (*)                   | 49.054.286.574         | -               | (*)                   |
| <b>Cộng</b>   | <b>277.639.624.191</b> | <b>-</b>        | <b>-</b>              | <b>275.864.942.201</b> | <b>-</b>        | <b>-</b>              |

#### (1) Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 67/QĐ-VN của Công ty ngày 30/03/2015 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phân vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền thông (đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Vcado Global) số tiền góp vốn là 12.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên từ trước thời điểm 31/12/2015.

- Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12121/NQ-HĐQT ngày 12/12/2018, Công ty góp thêm 36.000.000.000 đồng, tổng số vốn góp là 48.000.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vcado Global, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vcado Global là 120.000.000.000 đồng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Hiện tại Công ty Cổ phần Vcado Global đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ, phát triển hệ thống bán hàng thương mại điện tử, kinh doanh bất động sản.

- Tháng 7/2022, Công ty chuyển về trụ sở mới tại địa chỉ: Số SH2A – SP.2A-35, Đường San hô 2A, KĐT Vinhomes Oceanpark, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam và hoàn thành đầu tư cơ sở vật chất, hoàn thiện thủ tục hoạt động cho sản giao dịch Bất động sản.

### **(2) Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên**

- Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 140901/QĐ-HĐQT ngày 14/09/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên, tổng số vốn góp 18.000.000.000 chiếm 60% vốn điều lệ của MBG Lạc Sanh Phú Yên.

- Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 111201/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 11/12/2017 về việc không mua thêm cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên làm giảm tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của Công ty từ 60% vốn điều lệ xuống còn 36%.

- Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 110701/2019/QĐ-HĐQT ngày 11/07/2019 về việc thay đổi người đại diện phần vốn góp và nhận chuyển nhượng phần vốn góp trị giá 6.000.000.000 đồng để nâng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên từ 18.000.000.000 đồng lên 24.000.000.000, chiếm 48% tổng số vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên.

- Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 0812/QĐ-HĐQT ngày 08/12/2022 về việc mua thêm 2.400.000 cổ phần tương ứng số tiền 24.000.000.000 đồng. Tổng số vốn góp là 48.000.000.000 đồng, chiếm 48% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên.

- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư số 1414/QĐ-UBND Tỉnh Phú Yên ngày 10/09/2019 đối với dự án "Du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Lạc Sanh" với tổng vốn đầu tư khoảng 196,65 tỷ đồng mục đích phục vụ nhu cầu du lịch của du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển ngành du lịch tỉnh Phú Yên. Công ty đang triển khai và hoàn tất các thủ tục đầu tư theo kế hoạch đã được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt.

- Ngày 28/04/2023, Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên đã ký hợp đồng thuê môi trường rừng số 26/2023/HĐ-TMTR-BQL với Ban Quản lý rừng Phòng hộ Tây Hòa để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng sản xuất.

- Đến thời điểm hiện tại công ty đang thực hiện đền bù đất cho dự án và đã hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng 90% đất thực hiện dự án. Ngoài ra công ty đang trình phê duyệt nhiệm vụ 1/500 và các thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư khác.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Phạm Huy Thành.

### **(3) Công ty Cổ phần Zone Việt**

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 231101/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 23/11/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty cổ phần MBG Hòa Bình (nay đổi tên là Công ty Cổ phần Zone Việt) số tiền góp vốn là 40.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 30/11/2017.

Hiện tại Công ty Cổ phần Zone Việt đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ và đang trong giai đoạn nghiên cứu thực hiện dự án tại Hòa Bình.

### **(4) Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung**

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 140901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 14/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Công

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

ng nghiệp Miền Trung, số tiền góp vốn là 80.000.000.000 đồng tương đương 66,67% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 27/12/2018.

- Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung được chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án: “Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bề mặt số 1” theo quyết định số 150/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 300 tỷ đồng. Công ty đã hoàn hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư như: Xin cấp thông tin quy hoạch, môi trường, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy, đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép xây dựng...

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 121101/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 12/11/2019 về việc chào bán phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 VNĐ

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 091201/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 09/12/2019 về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty CP Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 đồng. Ngày 24/12/2019, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần cho các đối tác với giá chuyển nhượng là 11.000 đồng/cổ phần. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty còn sở hữu 50.000.000.000 đồng vốn góp tương đương với 5.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung chiếm tỷ lệ sở hữu 41,67% vốn điều lệ.

- Theo quyết định số 90/QĐ-BQLKKT ngày 02 tháng 08 năm 2021 UBND Tỉnh phú Yên, BQL Tỉnh Phú Yên về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án: “Nhà máy lắp ráp thiết bị điện” đã được Ban quản lý khu kinh tế Phú Yên chấp thuận tại Quyết định số 150/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 V/v điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: “Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bề mặt số 1” của công ty với nội dung điều chỉnh dự án đầu tư: “Lắp ráp thiết bị chiếu sáng led, lắp ráp tấm pin mặt trời; lắp ráp pin tính điện năng lượng mặt trời”.

- Hiện tại công ty đã triển khai khởi công xây dựng nhà máy và đang hoàn thành công tác xây dựng, đầu tư.

### **(5) Công ty Cổ phần Green Island**

- Theo Quyết định số 2231/UBND-NNTN ngày 18 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Hoà Bình chủ trương cho Công ty CP Tập đoàn MBG nghiên cứu, khảo sát, lập dự án:” Biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Green Island “tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, UBND tỉnh có ý kiến đồng ý chủ trương cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG được nghiên cứu, khảo sát lập dự án Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí trên khu đất có diện tích khoảng 16,3 ha tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình. Với tổng mức đầu tư 824.539.000.000 đồng. Công ty đã được Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Từ Liêm cam kết cấp tín dụng số GI21BE9743 để thực hiện dự án số tiền là 659.631.000.000 đồng.

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 0611/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 06/11/2020 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Green Island, số tiền góp vốn là 16.000.000.000 VNĐ tương đương 20% vốn điều lệ.

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 1203/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 12/03/2021 về việc tăng góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Green Island. Vốn đã góp tại Công ty Cổ phần Green Island 16.000.000.000 VNĐ (Mười sáu tỷ đồng)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

tăng lên: 40.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi tỷ đồng) chiếm 20% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Green Island. Đến 30/06/2021 Công ty đã góp 40.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi tỷ đồng).

- Hiện tại, dự án “Biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Green Island” đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hình thành tài sản cố định nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### (6) Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 170901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 17/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên, số tiền góp vốn là 15.000.000.000 đồng tương đương 15% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 04/10/2018.

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 2610/QĐ-HĐQT của công ty ngày 26/10/2022 về việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên, số cổ phần nhận chuyển nhượng là 3.300.000 cổ phần với giá chuyển nhượng là 10.000 VNĐ/1 cổ phần. Sau khi hoàn tất chuyển nhượng công ty sở hữu 4.800.000 cổ phần, tương đương giá trị 48.000.000.000 đồng, chiếm 48% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên.

- Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên được chấp thuận chủ trương đầu tư: “Nhà máy sản xuất nhựa, bao bì cao cấp” theo quyết định số 151/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 200 tỷ đồng.

- Hiện nay dự án đã hoàn thành các thủ tục: cấp phép xây dựng, PCCC..., và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 067494 ngày 30/08/2019 do sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Phú Yên cấp. Công ty đã khởi công dự án xây dựng và đang hoàn thành công tác xây dựng, đầu tư.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Đặng Thị Tuyết Lan.

**Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:**

|  | 01/01/2023             | Góp vốn trong kỳ | Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ | 30/06/2023             |
|--|------------------------|------------------|---------------------------|------------------------|
|  | VND                    | VND              | VND                       | VND                    |
| Công ty Cổ phần Vcado Global           | 48.123.483.877         | -                | 210.892.502               | 48.334.376.379         |
| Công ty Cổ phần MBG Lạc sanh Phú Yên   | 48.215.677.813         | -                | 352.985.563               | 48.568.663.376         |
| Công ty Cổ phần Zone Việt              | 40.128.004.171         | -                | 77.882.712                | 40.205.886.883         |
| Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung | 50.288.561.423         | -                | 502.205.935               | 50.790.767.358         |
| Công ty Cổ phần Green Island           | 40.054.928.343         | -                | 106.785.630               | 40.161.713.973         |
| Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên          | 49.054.286.574         | -                | 523.929.648               | 49.578.216.222         |
| <b>Cộng</b>                            | <b>275.864.942.201</b> | <b>-</b>         | <b>1.774.681.990</b>      | <b>277.639.624.191</b> |

*Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết:* Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | 30/06/2023             |                   | 01/01/2023             |                      |
|---|------------------------|-------------------|------------------------|----------------------|
|   | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND   | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND      |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                       | <b>18.871.507.226</b>  | -                 | <b>16.697.586.785</b>  | -                    |
| Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên                           | 7.924.757.030          | -                 | 10.137.581.600         | -                    |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung                  | 10.946.750.196         | -                 | 6.560.005.185          | -                    |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>                     | <b>269.653.503.595</b> | <b>61.283.500</b> | <b>381.215.560.431</b> | <b>1.979.781.572</b> |
| Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại An                | 46.528.879.805         | -                 | 76.898.548.966         | -                    |
| Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại Phát              | 36.894.510.055         | -                 | 77.120.133.020         | -                    |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HTV                | 32.883.224.220         | -                 | 32.883.224.220         | -                    |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị VINAHUD | 24.419.551.530         | -                 | 16.967.237.650         | -                    |
| Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam Thăng Long        | 72.183.181.769         | -                 | 68.573.421.429         | -                    |
| Công ty Cổ phần tư vấn kiến trúc và xây dựng Đông Đô    | 24.614.146.091         | -                 | -                      | -                    |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Trương Phạm                    | 11.819.863.660         | -                 | -                      | -                    |
| Các khách hàng khác                                     | 20.310.146.465         | 61.283.500        | 108.772.995.146        | 1.979.781.572        |
| <b>Cộng</b>   | <b>288.525.010.821</b> | <b>61.283.500</b> | <b>397.913.147.216</b> | <b>1.979.781.572</b> |

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|   | 30/06/2023             |                 | 01/01/2023             |                 |
|---|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
|   | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND |
| Công ty Cổ phần Pjaca Group                       | 20.173.987.326         | -               | 4.470.910.455          | -               |
| Công ty Cổ phần Giải pháp SSTECH Việt Nam         | 9.589.740.000          | -               | -                      | -               |
| Chi nhánh tại Hưng Yên - Công ty Cổ phần Vinhomes | 931.592.641            | -               | 7.739.394.290          | -               |
| Công ty TNHH Vân Phong Holding                    | 67.316.270.034         | -               | 76.809.684.796         | -               |
| Công ty Cổ phần Vân Phong Toàn Cầu                | 48.173.064.065         | -               | 68.143.711.282         | -               |
| Các nhà cung cấp khác                             | 27.960.216             | -               | 35.321.160.812         | -               |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>146.212.614.282</b> | -               | <b>192.484.861.635</b> | -               |

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 5. Phải thu ngắn hạn khác

|                                       | 30/06/2023             |                 | 01/01/2023            |                 |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|                                       | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| Tạm ứng                               | 9.697.750.000          | -               | 9.697.750.000         | -               |
| Lãi dự thu                            | 15.821.918             | -               | 3.991.213.027         | -               |
| Các khoản đặt cọc, ký<br>cước, ký quỹ | 120.368.972.051        | -               | -                     | -               |
| Các khoản phải thu ngắn<br>hạn khác   | 7.975.284              | -               | 440.231               | -               |
| <b>Cộng</b>                           | <b>130.090.519.253</b> | <b>-</b>        | <b>13.689.403.258</b> | <b>-</b>        |

### 6. Hàng tồn kho

|   | 30/06/2023             |                 | 01/01/2023             |                 |
|---|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
|   | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND |
| Nguyên liệu, vật liệu   | 12.312.688.588         | -               | 25.625.245.627         | -               |
| Chi phí sản xuất kinh doanh<br>dở dang  | 134.904.937.002        | -               | 168.276.410.298        | -               |
| Dự án The Empire<br>Vinhomes Oceanpark 2(*)   | 133.963.841.153        | -               | 167.996.839.265        | -               |
| Thi công dự án Nhà máy<br>sản xuất lắp ráp thiết bị<br>điện - Giai đoạn 2                                   | -                      | -               | 70.303.380             | -               |
| Thi công dự án Khu giáo<br>dục thể chất, quốc phòng an<br>ninh trường Đại học Sư<br>phạm kỹ thuật Vĩnh Long | 941.095.849            | -               | 209.267.653            | -               |
| Thành phẩm  | 38.640.915.415         | -               | 38.289.730.655         | -               |
| Hàng hóa  | 162.909.666.035        | -               | 98.344.804.093         | -               |
| <b>Cộng</b>   | <b>348.768.207.040</b> | <b>-</b>        | <b>330.536.190.673</b> | <b>-</b>        |

(\*) Là chi phí mua của các sản phẩm liền kề, shophouse, biệt thự đơn lập, song lập tại dự án THE EMPIRE VINHOMES OCEANPARK 2

### 7. Chi phí trả trước

#### 7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                 | 30/06/2023        | 01/01/2023       |
|---------------------------------|-------------------|------------------|
|                                 | VND               | VND              |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng       | 2.216.189         | 4.499.884        |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 75.748.861        | -                |
| <b>Cộng</b>                     | <b>77.965.050</b> | <b>4.499.884</b> |

#### 7b. Chi phí trả trước dài hạn

|                           | 30/06/2023    | 01/01/2023    |
|---------------------------|---------------|---------------|
|                           | VND           | VND           |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 159.185.389   | 187.041.856   |
| Chi phí sửa chữa          | 6.365.926.804 | 8.612.724.496 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|                                 | 30/06/2023           | 01/01/2023           |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                 | VND                  | VND                  |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 17.625.000           | -                    |
| <b>Cộng</b>                     | <b>6.542.737.193</b> | <b>8.799.766.352</b> |

**8. Tài sản cố định hữu hình**

|  | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | Cộng                  |
|--|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                           |                        |                                       |                                 |                       |
| <b>01/01/2023</b>                        | 21.578.921.664            | 57.903.970.000         | 6.958.997.702                         | 35.000.000                      | 86.476.889.366        |
| <b>30/06/2023</b>                        | <b>21.578.921.664</b>     | <b>57.903.970.000</b>  | <b>6.958.997.702</b>                  | <b>35.000.000</b>               | <b>86.476.889.366</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                           |                        |                                       |                                 |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | -                         | 4.554.800.000          | 618.441.454                           | 35.000.000                      | 5.208.241.454         |
| Chờ thanh lý                             | -                         | -                      | -                                     | -                               | -                     |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                           |                        |                                       |                                 |                       |
| <b>01/01/2023</b>                        | 12.121.324.988            | 24.202.745.046         | 2.578.302.454                         | 35.000.000                      | 38.937.372.488        |
| Khấu hao trong kỳ                        | 1.094.193.318             | 3.830.083.566          | 473.646.348                           | -                               | 5.397.923.232         |
| <b>30/06/2023</b>                        | <b>13.215.518.306</b>     | <b>28.032.828.612</b>  | <b>3.051.948.802</b>                  | <b>35.000.000</b>               | <b>44.335.295.720</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                           |                        |                                       |                                 |                       |
| <b>01/01/2023</b>                        | 9.457.596.676             | 33.701.224.954         | 4.380.695.248                         | -                               | 47.539.516.878        |
| <b>30/06/2023</b>                        | <b>8.363.403.358</b>      | <b>29.871.141.388</b>  | <b>3.907.048.900</b>                  | <b>-</b>                        | <b>42.141.593.646</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                           |                        |                                       |                                 |                       |
| Tạm thời chưa sử dụng                    | -                         | -                      | -                                     | -                               | -                     |
| Đang chờ thanh lý                        | -                         | -                      | -                                     | -                               | -                     |

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:  
3.512.360.636 VND

**9. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm quản lý. Chi tiết như sau:

|  | Nguyên giá         | Hao mòn lũy kế      | Giá trị còn lại    |
|--|--------------------|---------------------|--------------------|
| <b>Số đầu năm</b>                        | 200.340.000        | (12.781.548)        | 187.558.452        |
| Mua sắm trong kỳ                         | -                  | -                   | -                  |
| Khấu hao trong kỳ                        | -                  | (26.712.000)        | (26.712.000)       |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>200.340.000</b> | <b>(39.493.548)</b> | <b>160.846.452</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                    |                     |                    |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn<br>sử dụng | -                  | -                   | -                  |
| Chờ thanh lý                             | -                  | -                   | -                  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Bất động sản đầu tư**

|                   | Nguyên giá            | Hao mòn lũy kế     | Giá trị còn lại       |
|-------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| <b>Số đầu năm</b> | -                     | -                  | -                     |
| Tăng trong kỳ     | 48.806.255.963        | -                  | 48.806.255.963        |
| Khấu hao trong kỳ | -                     | (6.778.647)        | (6.778.647)           |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>48.806.255.963</b> | <b>(6.778.647)</b> | <b>48.799.477.316</b> |

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết

Chờ thanh lý

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|  | 30/06/2023           | 01/01/2023           |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | VND                  |
| <b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b> | <b>8.433.483.020</b> | <b>8.061.587.972</b> |
| Mua sắm  | -                    | -                    |
| Xây dựng cơ bản                                | 8.433.483.020        | 8.061.587.972        |
| Sửa chữa                                       | -                    | -                    |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>8.433.483.020</b> | <b>8.061.587.972</b> |

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|   | 30/06/2023           |                       | 01/01/2023            |                       |
|---|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|   | VND                  | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>Trả trước của các khách hàng khác</b>  | <b>8.880.169.804</b> | <b>8.880.169.804</b>  | <b>12.953.521.170</b> | <b>12.953.521.170</b> |
| Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long | 8.765.008.610        | 8.765.008.610         | 8.765.008.610         | 8.765.008.610         |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp LME           | 115.161.194          | 115.161.194           | -                     | -                     |
| Các khách hàng khác                       | -                    | -                     | 30.588.000            | 30.588.000            |
| <b>Cộng</b>                               | <b>8.880.169.804</b> | <b>8.880.169.804</b>  | <b>12.953.521.170</b> | <b>12.953.521.170</b> |

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | 01/01/2023            | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | 30/06/2023           |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
|                            | VND                   | VND                  | VND                     | VND                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 23.226.153.853        | 1.534.736.950        | 23.226.153.855          | 1.534.736.948        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 7.050.000             | 19.613.307           | 18.202.884              | 8.460.423            |
| <b>Cộng</b>                | <b>23.233.203.853</b> | <b>1.554.350.257</b> | <b>23.244.356.739</b>   | <b>1.543.197.371</b> |

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### **14. Phải trả khác**

##### **14a. Phải trả ngắn hạn khác**

|   | 30/06/2023            |                       | 01/01/2023            |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm phải nộp                           | 39.659.714            | 39.659.714            | 30.846.943            | 30.846.943            |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity – Vốn góp hợp tác kinh doanh <sup>(1)</sup> | 12.574.345.048        | 12.574.345.048        | 12.574.345.048        | 12.574.345.048        |
| Công ty Cổ phần Constrexim số 1 – Vốn góp hợp tác kinh doanh <sup>(2)</sup> | 414.731.800           | 414.731.800           | 414.731.800           | 414.731.800           |
| <b>Cộng</b>   | <b>13.028.736.562</b> | <b>13.028.736.562</b> | <b>13.019.923.791</b> | <b>13.019.923.791</b> |

(1) Là khoản tiền Công ty nhận góp vốn liên doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group để thực hiện dự án nghiên cứu hai đồ án quy hoạch: “Khu phức hợp sân Golf và dịch vụ thể thao Quang Tiến và Khu Nhà ở Sinh Thái Quang Tiến” tại Hòa Bình.

(2) Là khoản tiền Công ty nhận góp vốn liên doanh của Công ty Cổ phần Constrexim số 1 để thực hiện Dự án Khu dân cư nông thôn kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái và nuôi trồng thủy sản Đổ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

##### **14b. Phải trả dài hạn khác**

|                      | 30/06/2023         |                       | 01/01/2023 |                       |
|----------------------|--------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
|                      | Giá trị            | Số có khả năng trả nợ | Giá trị    | Số có khả năng trả nợ |
|                      | VND                | VND                   | VND        | VND                   |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 400.000.000        | 400.000.000           | -          | -                     |
| <b>Cộng</b>          | <b>400.000.000</b> | <b>400.000.000</b>    | <b>-</b>   | <b>-</b>              |

#### **15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**

##### **15a. Vay ngắn hạn**

|  | 30/06/2023            |                       | 01/01/2023            |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|  | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>                | <b>35.000.000.000</b> | <b>35.000.000.000</b> | <b>54.500.000.000</b> | <b>54.500.000.000</b> |
| Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh | 35.000.000.000        | 35.000.000.000        | 35.000.000.000        | 35.000.000.000        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|   | 30/06/2023            |                          | 01/01/2023            |                          |
|---|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng<br>trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng<br>trả nợ |
|   | VND                   | VND                      | VND                   | VND                      |
| Điện Biên Phủ (1)   |                       |                          |                       |                          |
| Ngân hàng TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam - Chi<br>nhánh Sở giao dịch (2) | -                     | -                        | 19.500.000.000        | 19.500.000.000           |
| <b>Vay dài hạn đến hạn trả<br/>(xem thuyết minh số<br/>V.15b)</b>       | <b>547.633.304</b>    | <b>547.633.304</b>       | <b>671.133.308</b>    | <b>671.133.308</b>       |
| Công ty TNHH MTV<br>Tài chính Toyota Việt<br>Nam                        | 82.333.304            | 82.333.304               | 205.833.308           | 205.833.308              |
| Ngân hàng TMCP Quân<br>đội Việt Nam – Chi nhánh<br>Điện Biên Phủ        | 465.300.000           | 465.300.000              | 465.300.000           | 465.300.000              |
| <b>Cộng</b>   | <b>35.547.633.304</b> | <b>35.547.633.304</b>    | <b>55.171.133.308</b> | <b>55.171.133.308</b>    |

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số 84255.22.051.1970764 ngày 10/10/2022 với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng trong đó hạn mức cho vay là: 35.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 15.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: kể từ thời điểm giao kết hợp đồng đến ngày 19/08/2023. Lãi suất: Theo từng lần giải ngân. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện thường xuyên của khách hàng.

Tài sản đảm bảo:

- Động sản: Hàng tồn kho luân chuyển của khách hàng và Quyền đòi nợ hình thành từ các Hợp đồng kinh tế.
  - Bất động sản: Bất động sản theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 980682, do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2011 và các tài sản hình thành trong tương lai từ các Hợp đồng mua bán nhà ở riêng lẻ giữa CN tại Hưng Yên – Công ty CP Vinhomes và Công ty CP Tập đoàn MBG.
- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số KH3-220245/CVHM.MBG ngày 17/08/2022 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch. Giới hạn cấp tín dụng ngắn hạn là: 90.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 18/08/2023; Lãi suất: Theo từng lần giải ngân; Mục đích: Tài trợ các nhu cầu ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài trợ cho các nhu cầu bảo lãnh trung hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu trung dài hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

Tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo thanh khoản cao có giá trị tối thiểu 18.000 triệu đồng; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế mua bán bất động sản tại dự án Vinhomes Ocean Park 2 với giá trị tối thiểu 120 tỷ đồng; hàng tồn kho luân chuyển của khách hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

|                           |                       |
|---------------------------|-----------------------|
| <b>01/01/2023</b>         | <b>55.171.133.308</b> |
| Số tiền vay phát sinh     | 35.000.000.000        |
| Kết chuyển từ vay dài hạn | 232.650.000           |
| Số tiền vay đã trả        | (54.856.150.004)      |
| <b>30/06/2023</b>         | <b>35.547.633.304</b> |

### 15b. Vay dài hạn

|  | 30/06/2023         |                                 | 01/01/2023         |                                 |
|--|--------------------|---------------------------------|--------------------|---------------------------------|
|  | Giá trị<br>VND     | Số có khả năng<br>trả nợ<br>VND | Giá trị<br>VND     | Số có khả năng<br>trả nợ<br>VND |
| Công ty TNHH MTV Tài chính<br>Toyota Việt Nam (3)          | -                  | -                               | -                  | -                               |
| Ngân hàng TMCP Quân đội Việt<br>Nam - CN Điện Biên Phủ (4) | 736.725.000        | 736.725.000                     | 969.375.000        | -                               |
| <b>Cộng</b>  | <b>736.725.000</b> | <b>736.725.000</b>              | <b>969.375.000</b> | <b>-</b>                        |

- (3) Hợp đồng tín dụng số 1000405327 ngày 30/10/2019 với Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam. Giá trị khoản vay: 988.000.000 VND. Thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Lãi suất: 6,99%/năm áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng/lần

Tài sản đảm bảo: xe ô tô con 5 chỗ hiệu Toyota màu đen

Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 48 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán mỗi kỳ là 20.583.334 VND

- (4) Hợp đồng vay số 6967.21.051.1970764 ngày 02/02/2021 với Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ. Hạn mức cho vay: 2.326.500.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng bán hàng số: HAN2021-0004 ký ngày 21/01/2021 giữa chi nhánh Công ty Cổ phần Liên Á Quốc tế và Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG

Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân

Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 60 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán mỗi kỳ là 38.775.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                      | 30/06/2023<br>VND    | 01/01/2023<br>VND    |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 547.633.304          | 671.133.308          |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 736.725.000          | 969.375.000          |
| <b>Cộng</b>          | <b>1.284.358.304</b> | <b>1.640.508.308</b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

|   |                    |
|---|--------------------|
| <b>01/01/2023</b>                       | <b>969.375.000</b> |
| Số tiền vay phát sinh                   | -                  |
| Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả | (232.650.000)      |
| <b>30/06/2023</b>                       | <b>736.725.000</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ****16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                 | 01/01/2023           | Tăng do trích lập<br>từ lợi nhuận | Chi quỹ trong kỳ | 30/06/2023           |
|-----------------|----------------------|-----------------------------------|------------------|----------------------|
|                 | VND                  | VND                               | VND              | VND                  |
| Quỹ khen thưởng | 751.578.436          | 502.139.395                       | -                | 1.253.717.831        |
| Quỹ phúc lợi    | 658.762.240          | 502.139.395                       | -                | 1.160.901.635        |
| Cộng            | <b>1.410.340.676</b> | <b>1.004.278.790</b>              | -                | <b>2.414.619.466</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| Khoản mục                                  | Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                      |                      |                        |                      |                          | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|--|---------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|--------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------|
|  | VND                       | VND                  | VND                  | VND                    | VND                  | VND                      |                                   |                                 |           |
| <b>01/01/2022</b>                          | <b>723.552.780.000</b>    | <b>(105.794.733)</b> | <b>2.950.219.860</b> | <b>89.761.088.218</b>  | <b>1.907.695.441</b> | <b>816.158.293.345</b>   |                                   |                                 |           |
| - Tăng vốn trong năm trước                 | 400.000.000.000           | (132.407.407)        | -                    | -                      | 1.906.430.321        | 401.774.022.914          |                                   |                                 |           |
| - Chia cổ tức bằng cổ phiếu                | 78.632.620.000            | -                    | -                    | -                      | -                    | 78.632.620.000           |                                   |                                 |           |
| - Lãi trong năm trước                      | -                         | -                    | -                    | -                      | 100.426.614.004      | 100.427.879.124          |                                   |                                 |           |
| - Tăng khác                                | -                         | -                    | -                    | -                      | -                    | -                        |                                   |                                 |           |
| - Tăng do hợp nhất kinh doanh              | -                         | -                    | -                    | -                      | 1.082.514.936        | 1.082.514.936            |                                   |                                 |           |
| - Phân phối lợi nhuận                      | -                         | -                    | 2.460.633.587        | -                      | (81.913.464.783)     | (79.452.931.196)         |                                   |                                 |           |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi           | -                         | -                    | -                    | -                      | (820.211.196)        | (820.211.196)            |                                   |                                 |           |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển              | -                         | -                    | 2.460.633.587        | -                      | (2.460.633.587)      | -                        |                                   |                                 |           |
| + Chia cổ tức                              | -                         | -                    | -                    | -                      | (78.632.620.000)     | (78.632.620.000)         |                                   |                                 |           |
| <b>31/12/2022</b>                          | <b>1.202.185.400.000</b>  | <b>(238.202.140)</b> | <b>5.410.853.447</b> | <b>109.356.752.375</b> | <b>1.907.695.441</b> | <b>1.318.622.499.123</b> |                                   |                                 |           |
| <b>01/01/2023</b>                          | <b>1.202.185.400.000</b>  | <b>(238.202.140)</b> | <b>5.410.853.447</b> | <b>109.356.752.375</b> | <b>1.907.695.441</b> | <b>1.318.622.499.123</b> |                                   |                                 |           |
| - Tăng do hợp nhất kinh doanh              | -                         | -                    | -                    | -                      | -                    | -                        |                                   |                                 |           |
| - Chia cổ tức bằng cổ phiếu                | -                         | -                    | -                    | -                      | -                    | -                        |                                   |                                 |           |
| - Lãi trong năm nay                        | -                         | -                    | -                    | -                      | 7.650.433.558        | 7.651.455.785            |                                   |                                 |           |
| - Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước | -                         | -                    | 3.012.836.374        | -                      | (4.017.115.164)      | (1.004.278.790)          |                                   |                                 |           |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi           | -                         | -                    | -                    | -                      | (1.004.278.790)      | (1.004.278.790)          |                                   |                                 |           |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển              | -                         | -                    | 3.012.836.374        | -                      | (3.012.836.374)      | -                        |                                   |                                 |           |
| <b>30/06/2023</b>                          | <b>1.202.185.400.000</b>  | <b>(238.202.140)</b> | <b>8.423.689.821</b> | <b>111.215.388.779</b> | <b>1.908.717.668</b> | <b>1.325.269.676.118</b> |                                   |                                 |           |

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

### 17b. Cổ phiếu

|                                     | 30/06/2023  | 01/01/2023  |
|-------------------------------------|-------------|-------------|
|                                     | CP          | CP          |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 120.218.540 | 120.218.540 |
| Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng | 120.218.540 | 120.218.540 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 120.218.540 | 120.218.540 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -           |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -           | -           |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -           | -           |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -           |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 120.218.540 | 120.218.540 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 120.218.540 | 120.218.540 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -           |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                                     | Từ 01/04/2023<br>đến 30/06/2023 | Từ 01/04/2022<br>đến 30/06/2022 |
|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                                     | VND                             | VND                             |
| Doanh thu bán hàng hóa              | 155.919.375.453                 | 332.793.582.532                 |
| Doanh thu sản xuất, dịch vụ xây lắp | 18.900.718.360                  | 34.858.923.732                  |
| Doanh thu cho thuê tài sản          | 300.000.000                     | -                               |
| <b>Cộng</b>                         | <b>175.120.093.813</b>          | <b>367.652.506.264</b>          |

### 2. Giá vốn hàng bán

|                             | Từ 01/04/2023<br>đến 30/06/2023 | Từ 01/04/2022<br>đến 30/06/2022 |
|-----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                             | VND                             | VND                             |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 152.179.750.586                 | 307.927.908.436                 |
| Giá vốn xây lắp             | 15.299.966.436                  | 25.501.413.835                  |
| Giá vốn cho thuê tài sản    | 6.778.647                       | -                               |
| <b>Cộng</b>                 | <b>167.486.495.669</b>          | <b>333.429.322.271</b>          |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                  | Từ 01/04/2023<br>đến 30/06/2023 | Từ 01/04/2022<br>đến 30/06/2022 |
|------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                  | VND                             | VND                             |
| Lãi tiền gửi     | 299.590.005                     | 402.802.608                     |
| Lãi tiền cho vay | 31.881.164                      | -                               |
| <b>Cộng</b>      | <b>331.471.169</b>              | <b>402.802.608</b>              |

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| 4. Chi phí tài chính   | Từ 01/04/2023<br>đến 30/06/2023 | Từ 01/04/2022<br>đến 30/06/2022 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
|  | VND                             | VND                             |
| Chi phí lãi vay  | 685.888.859                     | 301.491.944                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>685.888.859</b>              | <b>301.491.944</b>              |
| 5. Chi phí bán hàng  | Từ 01/04/2023<br>đến 30/06/2023 | Từ 01/04/2022<br>đến 30/06/2022 |
|  | VND                             | VND                             |
| Chi phí cho nhân viên  | 307.127.328                     | 164.879.693                     |
| Các chi phí khác   | 2.395.268                       | -                               |
| <b>Cộng</b>  | <b>309.522.596</b>              | <b>164.879.693</b>              |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | Từ 01/04/2023<br>đến 30/06/2023 | Từ 01/04/2022<br>đến 30/06/2022 |
|  | VND                             | VND                             |
| Chi phí cho nhân viên  | 937.791.786                     | 411.381.021                     |
| Chi phí đồ dùng văn phòng  | 1.148.885.205                   | 713.203.225                     |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định   | 307.580.802                     | 328.224.801                     |
| Thuế, phí và lệ phí  | -                               | -                               |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi  | -                               | -                               |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 282.658.055                     | 194.513.373                     |
| Các chi phí khác   | 55.319.000                      | 208.000.000                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>2.732.234.848</b>            | <b>1.855.322.420</b>            |
| 7. Lãi trên cổ phiếu   |                                 |                                 |
| 7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu  | Từ 01/04/2023<br>đến 30/06/2023 | Từ 01/04/2022<br>đến 30/06/2022 |
|  | VND                             | VND                             |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ  | 3.425.346.506                   | 25.713.264.125                  |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  | -                               | (1.004.278.790)                 |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu   | 3.425.346.506                   | 24.708.985.335                  |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ   | 120.218.540                     | 112.355.278                     |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>   | <b>28</b>                       | <b>220</b>                      |
| 7b. Thông tin khác   |                                 |                                 |
| Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. |                                 |                                 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Từ 01/04/2023<br>đến 30/06/2023 | Từ 01/04/2022<br>đến 30/06/2022 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                                  | VND                             | VND                             |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 37.002.869.434                  | 177.279.688.038                 |
| Chi phí nhân công                | 1.469.472.075                   | 1.777.611.538                   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.693.483.076                   | 2.680.127.076                   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 285.755.010                     | 194.513.373                     |
| Chi phí khác                     | 80.219.000                      | 643.611.921                     |
| <b>Cộng</b>                      | <b>41.531.798.959</b>           | <b>182.575.551.946</b>          |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

(Đơn vị tính: VND)

| Bên liên quan                            | Mối quan hệ   |
|--|---|
| - Công ty Cổ phần Vcado Global           | Công ty liên kết  |
| - Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên   | Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là ông Phạm Huy Thành   |
| - Công ty Cổ phần Zone Việt              | Công ty liên kết  |
| - Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên          | Công ty liên kết/ Người đại diện pháp luật là thành viên HĐQT MBG đồng thời là vợ ông Phạm Huy Thành-Người đại diện pháp luật MBG |
| - Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung | Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là ông Phạm Huy Thành   |
| - Công ty Cổ phần Green Island           | Công ty liên kết  |
| - Ông Phạm Huy Thành                     | Chủ tịch HĐQT- Người đại diện pháp luật Công ty   |
| - Bà Đặng Thị Tiệp                       | Mẹ vợ ông Phạm Huy Thành – Người đại diện pháp luật Công ty   |
| - Bà Đặng Thị Tuyết Lan                  | Vợ ông Phạm Huy Thành – Thành viên HĐQT đồng thời là Phó tổng giám đốc Công ty  |
| - Ông Phạm Mạnh Cường                    | Anh trai Ông Phạm Huy Thành-Người đại diện pháp luật MBG  |

#### Số dư với các bên liên quan

| Bên liên quan                          | Số dư                   | 30/06/2023     | 01/01/2023     |
|--|-------------------------|----------------|----------------|
| Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên          | Phải thu của khách hàng | 7.924.757.030  | 10.137.581.600 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung | Phải thu của khách hàng | 10.946.750.196 | 6.560.005.185  |
| Ông Phạm Mạnh Cường                    | Tạm ứng                 | 9.697.750.000  | 9.697.750.000  |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| <b>Giao dịch với bên liên quan</b>      |   |                   |                   |                   |                   |
|---|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Bên liên quan</b>                    | <b>Nội dung nghiệp vụ</b>                     | <b>Từ</b>         | <b>Từ</b>         | <b>Từ</b>         | <b>Từ</b>         |
|   |   | <b>01/04/2023</b> | <b>01/01/2023</b> | <b>01/04/2022</b> | <b>01/01/2022</b> |
|   |   | <b>đến</b>        | <b>đến</b>        | <b>đến</b>        | <b>đến</b>        |
|   |   | <b>30/06/2023</b> | <b>30/06/2023</b> | <b>30/06/2022</b> | <b>30/06/2022</b> |
|   |   | <b>VND</b>        | <b>VND</b>        | <b>VND</b>        | <b>VND</b>        |
| Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến | Thoái vốn                                     | -                 | -                 | -                 | 13.400.000.000    |
| Ông Phạm Huy Thành                      | Thuê văn phòng                                | 60.000.000        | 120.000.000       | 60.000.000        | 120.000.000       |
| Bà Đặng Thị Tiệp                        | Thuê văn phòng                                | 24.000.000        | 48.000.000        | 24.000.000        | 48.000.000        |
| Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên           | Thi công nhà máy sản xuất nhựa bao bì cao cấp | 7.038.195.073     | 7.204.324.573     | -                 | -                 |
| Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung  | Thi công nhà máy sản xuất thiết bị điện       | 11.854.078.287    | 11.951.591.087    | -                 | -                 |
| Công ty Cổ phần Vcado Global            | Cho thuê nhà                                  | 600.000.000       | 600.000.000       | -                 | -                 |
| Bà Đặng Thị Tuyết Lan                   | Tạm ứng                                       | -                 | -                 | 63.050.000.000    | 63.050.000.000    |
|   | Hoàn ứng                                      | -                 | -                 | 63.050.000.000    | 63.050.000.000    |

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

|                                       | <b>Từ 01/04/2023</b>  | <b>Từ 01/01/2023</b>  | <b>Từ 01/04/2022</b>  | <b>Từ 01/01/2022</b>  |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                       | <b>đến 30/06/2023</b> | <b>đến 30/06/2023</b> | <b>đến 30/06/2022</b> | <b>đến 30/06/2022</b> |
|                                       | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| <b>Thu nhập của Hội đồng quản trị</b> | <b>36.000.000</b>     | <b>72.000.000</b>     | <b>36.000.000</b>     | <b>72.000.000</b>     |
| Phạm Huy Thành                        | 12.000.000            | 24.000.000            | 12.000.000            | 24.000.000            |
| Đặng Thị Tuyết Lan                    | 6.000.000             | 12.000.000            | 6.000.000             | 12.000.000            |
| Vương Bảo Yến                         | 6.000.000             | 12.000.000            | 6.000.000             | 12.000.000            |
| Trần Thúy Loan                        | 6.000.000             | 12.000.000            | 6.000.000             | 12.000.000            |
| Dương Quang Đông                      | 6.000.000             | 12.000.000            | 6.000.000             | 12.000.000            |
| <b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>     | <b>12.000.000</b>     | <b>24.000.000</b>     | <b>12.000.000</b>     | <b>24.000.000</b>     |
| Phạm Tuyết Nhung                      | 6.000.000             | 12.000.000            | 6.000.000             | 12.000.000            |
| Nguyễn Thị Hạnh                       | 3.000.000             | 6.000.000             | 3.000.000             | 6.000.000             |
| Nguyễn Thị Mai                        | -                     | -                     | 3.000.000             | 6.000.000             |
| Nguyễn Thị Quỳnh                      | 3.000.000             | 6.000.000             | -                     | -                     |
| <b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b> | <b>117.000.000</b>    | <b>228.562.923</b>    | <b>96.385.332</b>     | <b>195.140.738</b>    |
| Phạm Huy Thành                        | 46.400.000            | 93.392.769            | 40.628.444            | 81.288.887            |
| Đặng Thị Tuyết Lan                    | 44.600.000            | 82.512.000            | 30.128.444            | 62.407.406            |
| Dương Quang Đông                      | 26.000.000            | 52.658.154            | 25.628.444            | 51.444.445            |
| <b>Cộng</b>                           | <b>165.000.000</b>    | <b>324.562.923</b>    | <b>144.385.332</b>    | <b>291.140.738</b>    |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **2. Thông tin về bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Kỳ kế toán năm 2023 đơn vị hoạt động trong nước. Do vậy Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Tri, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

| Chỉ tiêu                                    | Bán hàng hóa         | Xây lắp            | Bất động sản cho thuê | Tổng bộ phận đã báo cáo | Khác | Loại trừ | Tổng cộng toàn Công ty |
|---|----------------------|--------------------|-----------------------|-------------------------|------|----------|------------------------|
| <b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>                   |                      |                    |                       |                         |      |          |                        |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài    | 155.919.375.453      | 18.900.718.360     | 300.000.000           | 175.120.093.813         | -    | -        | 175.120.093.813        |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận | -                    | -                  | -                     | -                       | -    | -        | -                      |
| Khấu hao và chi phí phân bổ                 | 152.150.663.270      | 18.443.870.920     | 292.748.729           | 170.887.282.919         | -    | -        | 170.887.282.919        |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>    | <b>3.768.712.183</b> | <b>456.847.440</b> | <b>7.251.271</b>      | <b>4.232.810.894</b>    | -    | -        | <b>4.232.810.894</b>   |
| <b>TÀI SẢN</b>                              |                      |                    |                       |                         |      |          |                        |
| Tài sản bộ phận                             | 917.911.310.866      | 111.270.219.726    | 1.766.126.836         | 1.030.947.657.428       | -    | -        | 1.030.947.657.428      |
| Tài sản không phân bổ                       | -                    | -                  | -                     | 357.173.100.197         | -    | -        | 357.173.100.197        |
| Tổng tài sản                                | -                    | -                  | -                     | 1.388.120.757.625       | -    | -        | 1.388.120.757.625      |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                          |                      |                    |                       |                         |      |          |                        |
| Nợ phải trả bộ phận                         | 53.810.018.090       | 6.522.909.638      | 103.534.313           | 60.436.462.041          | -    | -        | 60.436.462.041         |
| Nợ phải trả không phân bổ                   | -                    | -                  | -                     | 2.414.619.466           | -    | -        | 2.414.619.466          |
| Tổng nợ phải trả                            | -                    | -                  | -                     | 62.851.081.507          | -    | -        | 62.851.081.507         |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

---

### **3. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

#### **3.1. Quản lý rủi ro tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty cũng có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí của rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ,

rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền, phải thu khách hàng, phải trả người bán và phải trả khác.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty không có rủi ro lãi suất trong năm do các khoản vay của Công ty có lãi suất cố định.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty không có rủi ro đáng kể về giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa và thông qua các nhà cung cấp nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phát sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Phải thu khách hàng và phải thu khác*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu còn tồn đọng tại ngày báo cáo.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 3. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản trị rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu như sau:

| <b>30/06/2023</b>      | <b>Dưới 1 năm</b>     | <b>Từ 1-5 năm</b>  | <b>Trên 5 năm</b> | <b>Tổng cộng</b>      |
|------------------------|-----------------------|--------------------|-------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn           | 35.547.633.304        | -                  | -                 | 35.547.633.304        |
| Vay dài hạn            | -                     | 736.725.000        | -                 | 736.725.000           |
| Phải trả người bán     | -                     | -                  | -                 | -                     |
| Phải trả ngắn hạn khác | 13.028.736.562        | -                  | -                 | 13.028.736.562        |
| <b>Tổng cộng</b>       | <b>48.576.369.866</b> | <b>736.725.000</b> | -                 | <b>49.313.094.866</b> |

  

| <b>01/01/2023</b>      | <b>Dưới 1 năm</b>     | <b>Từ 1-5 năm</b>  | <b>Trên 5 năm</b> | <b>Tổng cộng</b>      |
|------------------------|-----------------------|--------------------|-------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn           | 55.171.133.308        | -                  | -                 | 55.171.133.308        |
| Vay dài hạn            | -                     | 969.375.000        | -                 | 969.375.000           |
| Phải trả người bán     | 29.724.464.940        | -                  | -                 | 29.724.464.940        |
| Phải trả ngắn hạn khác | 13.019.923.791        | -                  | -                 | 13.019.923.791        |
| <b>Tổng cộng</b>       | <b>97.915.522.039</b> | <b>969.375.000</b> | -                 | <b>98.884.897.039</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Địa chỉ: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3.2. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty như sau:

| Tài sản tài chính                  | 30/06/2023             |                     | 01/01/2023             |                        |
|------------------------------------|------------------------|---------------------|------------------------|------------------------|
|                                    | Giá gốc                | Dự phòng            | Giá gốc                | Dự phòng               |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 78.433.476.006         | -                   | 72.058.306.886         | -                      |
| Phải thu khách hàng                | 288.525.010.821        | (61.283.500)        | 397.913.147.216        | (1.979.781.572)        |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn       | 5.100.000.000          | -                   | 2.970.000.000          | -                      |
| Phải thu khác                      | 130.090.519.253        | -                   | 13.689.403.258         | -                      |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>502.149.006.080</b> | <b>(61.283.500)</b> | <b>486.630.857.360</b> | <b>(1.979.781.572)</b> |

| Nợ phải trả tài chính             | 30/06/2023            | 01/01/2023            |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán                | -                     | 29.724.464.940        |
| Các khoản vay và nợ phải trả khác | 48.576.369.866        | 68.191.057.099        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>48.576.369.866</b> | <b>97.915.522.039</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá thị trường tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán thì các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các khoản vay và các khoản nợ phải trả tài chính này thì được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Nguyễn Thị Quyên  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết  
Kế toán trưởng



Phạm Huy Thành  
Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 28072/CV-MBG

(v/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận-BCTC  
hợp nhất quý II/ 2023)

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Mã chứng khoán: **MBG**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ VPGD: Số 9 ngách 61/4 Phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.36447655

Người thực hiện công bố thông tin: **Đặng Thị Tuyết Lan**

Địa chỉ VPGD: Số 9 ngách 61/4 Phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.36447655

Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung công bố (\*):

Thực hiện việc công bố thông tin theo thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc lập công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần tập đoàn MBG giải trình việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2023 biến động giảm hơn 10 % so Quý II năm 2022. Cụ thể như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN Quý II Năm 2022: **25.713.264.125** đồng.
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN Quý II Năm 2023: **3.426.084.444** đồng.

Chênh lệch giảm so với quý II năm trước do các nguyên nhân sau:

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: Đồng

| CHỈ TIÊU   | QUÝ II/NĂM 2023 | QUÝ II/NĂM 2022 |
|--|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 175.120.093.813 | 367.652.506.264 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    |                 |                 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 175.120.093.813 | 367.652.506.264 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 167.486.495.669 | 333.429.322.271 |

|  |               |                |
|--|---------------|----------------|
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 7.633.598.144 | 34.223.183.993 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 331.471.169   | 402.802.608    |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 685.888.859   | 301.491.944    |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                            | 685.888.859   | 301.491.944    |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 62.357.463    |                |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 309.522.596   | 164.879.693    |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 2.732.234.848 | 1.855.322.420  |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 4.299.780.473 | 32.304.292.544 |
| 12. Thu nhập khác                                      |               |                |
| 13. Chi phí khác                                       | -             | 105.158.482    |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | -             | (105.158.482)  |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 4.299.780.473 | 32.199.134.062 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                        | 873.696.029   | 6.485.869.937  |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                         |               |                |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 3.426.084.444 | 25.713.264.125 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)                        | 28            | 220            |

18256  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 ĐOÀN  
 BÀNG  
 AN - TP.

- Doanh thu bán hàng Quý II năm 2023 giảm so với Quý II năm 2022 là 192.532.412.451 đồng tương đương với tỷ lệ giảm 52,37%. Do biến động của thị trường các sản phẩm liên quan đến bất động sản, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện, xây dựng... dẫn đến Công ty ký kết được ít hợp đồng kinh tế nên doanh thu thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.
- Giá vốn Quý II năm 2023 giảm so với Quý II năm 2022 là 165.942.826.602 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 49,77 %.
- Doanh thu hoạt động tài chính Quý II năm 2023 giảm so với Quý II năm 2022 là 71.331.439 đồng tương đương với tỷ lệ giảm 17,71%.
- Chi phí hoạt động tài chính Quý II năm 2023 tăng so với Quý II năm 2022 là 384.396.915 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 127,50%.
- Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh năm Quý II



năm 2023 của công ty.

Các thông tin trên đã được Chúng tôi đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/07/2023 tại trang web: <http://www.mbg.vn/co-dong/Cong-bo-thong-tin/>

Công ty cổ phần tập đoàn MBG cam kết nội dung trong công văn giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD, BKS (b/c);
- CBTT (Website);
- Lưu HC, TCKT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

*Phạm Huy Thành*

